

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC CẤP TỈNH VÀ NGÀNH DỤC
ĐÓNG GÓP QŨY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Lương cơ sở (Lcs) : 2.340.000 đồng Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH	14.312	701.942.727	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Đồng Tháp	69	3.669.545	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/12/2025
2	Văn phòng UBND tỉnh	261	13.880.455	Công văn số 1517/VPUBND-HCTC ngày 7/2/2026
	- Văn phòng	138	7.339.091	
	- Đảng ủy UBND tỉnh	24	1.276.364	
	- Trung tâm Tin học và Công báo	18	957.273	
	- Trung tâm Hội nghị tỉnh	81	4.307.727	
3	Sở Nông nghiệp & Môi trường	1.673	88.973.182	
	- Văn Phòng Sở Nông nghiệp & Môi trường	113	6.009.545	
	- Chi cục Thủy lợi	39	2.074.091	
	- Chi cục Phát triển nông thôn	29	1.542.273	
	- Chi cục Thủy sản	28	1.489.091	
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	97	5.158.636	
	- Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	22	1.170.000	
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	159	8.455.909	
	- Chi cục Kiểm Lâm	36	1.914.545	
	- Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp Đồng Tháp	89	4.733.182	
	- Ban Quản lý Rừng phòng hộ và Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	18	957.273	
	- Ban Quản lý Cảng cá	15	797.727	
	- Trung tâm Công nghệ thông tin	14	744.545	
	- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên Môi trường	52	2.765.455	
	- Văn phòng đăng ký đất đai	903	48.023.182	
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	59	3.137.727	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.288	283.663.636	Công văn số 409/SGDĐT-KHTC ngày 04/02/2026
1	- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	86	4.573.636	
2	- Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	30	1.350.000	
3	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Đồng Tháp	26	1.170.000	
4	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Cai Lậy	23	1.035.000	
5	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gò Công	44	1.980.000	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
6	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Sa Đéc	36	1.620.000	
7	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Cao Lãnh	47	2.115.000	
8	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hồng Ngự	11	495.000	
	CẤP THCS&THPT - THPT			
1	Trường THPT Nguyễn Đình	133	5.985.000	
2	Trường THPT Vĩnh Kim	85	3.825.000	
3	Trường THPT Trần Hưng Đạo	89	4.005.000	
4	Trường THPT Dường Diễm	73	3.285.000	
5	Trường THPT Phước Thạnh	58	2.610.000	
6	Trường THPT Chuyên Tiền	83	3.735.000	
7	Trường THCS&THPT Giồng Dứa	61	2.745.000	
8	Trường THPT Cái Bè	88	3.960.000	
9	Trường THPT Phạm Thành Trung	87	3.915.000	
10	Trường THPT Thiên Hộ Dương	62	2.790.000	
11	Trường THPT Lê Thanh Hiền	74	3.330.000	
12	Trường THCS & THPT Ngô Văn	53	2.385.000	
13	Trường THPT Huỳnh Văn Sâm	69	3.105.000	
14	Trường THPT Phan Việt Thống	70	3.150.000	
15	Trường THPT Lưu Tân Phát	80	3.600.000	
16	Trường THPT Tân Hiệp	80	3.600.000	
17	Trường THPT Nam Kỳ Khởi	42	1.890.000	
18	Trường THPT Nguyễn Văn Tiếp	48	2.160.000	
19	Trường THPT Tân Phước	53	2.385.000	
20	Trường THPT Lê Văn Phẩm	73	3.285.000	
21	Trường THPT Đốc Bình Kiều-Cai lậy	94	4.230.000	
22	Trường THPT Tứ Kiệt	66	2.970.000	
23	Trường THPT Trương Định	84	3.780.000	
24	Trường THPT Gò Công Đông	87	3.915.000	
25	Trường THPT Bình Đông	46	2.070.000	
26	Trường THPT Gò Công	44	1.980.000	
27	Trường THPT Thủ Khoa Huân	78	3.510.000	
28	Trường THPT Chợ Gạo	93	4.185.000	
29	Trường THPT Bình Phục Nhứt	51	2.295.000	
30	Trường THPT Trần Văn Hoài	60	2.700.000	
31	Trường THPT Nguyễn Văn Côn	75	3.375.000	
32	Trường THPT Vĩnh Bình	89	4.005.000	
33	Trường THCS & THPT Long	71	3.195.000	
34	Trường THCS & THPT Đoàn Trần Nghiệp	53	2.385.000	
35	Trường THPT Nguyễn Văn Thìn	37	1.665.000	
36	Trường THCS & THPT Phú	65	2.925.000	
37	Trường THCS & THPT Tân Thới	61	2.745.000	
38	Trường THPT Sa Đéc	97	4.365.000	
39	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	67	3.015.000	
40	Trường THPT Nguyễn Du	69	3.105.000	
41	Trường THPT Châu Thành 1	94	4.230.000	
42	Trường THPT Châu Thành 2	85	3.825.000	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
43	Trường THCS-THPT Tân Phú Trung	80	3.600.000	
44	Trường THPT Lai Vung 1	111	4.995.000	
45	Trường THPT Lai Vung 2	86	3.870.000	
46	Trường THPT Lai Vung 3	61	2.745.000	
47	Trường THPT Lấp Vò 1	121	5.445.000	
48	Trường THPT Lấp Vò 2	107	4.815.000	
49	Trường THPT Lấp Vò 3	55	2.475.000	
50	Trường THCS-THPT Bình Thạnh	68	3.060.000	
51	Trường THPT Cao Lãnh	75	3.375.000	
52	Trường THPT Chuyên Nguyễn Quang Diêu	82	3.690.000	
53	Trường THPT Đỗ Công Tường	69	3.105.000	
54	Trường THPT Trần Quốc Toàn	76	3.420.000	
55	Trường THPT Thiên Hộ Dương - Cao Lãnh	57	2.565.000	
56	Trường THPT Cao Lãnh 1	89	4.005.000	
57	Trường THPT Cao Lãnh 2	86	3.870.000	
58	Trường THPT Thống Linh	64	2.880.000	
59	Trường THPT Tháp Mười	94	4.230.000	
60	Trường THPT Trường Xuân	54	2.430.000	
61	Trường THPT Mỹ Quý	43	1.935.000	
62	Trường THPT Đốc Binh Kiều	38	1.710.000	
63	Trường THPT Phú Điền	48	2.160.000	
64	Trường THPT Thanh Bình 1	117	5.265.000	
65	Trường THPT Thanh Bình 2	84	3.780.000	
66	Trường THCS-THPT Tân Mỹ	51	2.295.000	
67	Trường THPT Tràm Chim	81	3.645.000	
68	Trường THPT Tam Nông	74	3.330.000	
69	Trường THCS và THPT Hòa	44	1.980.000	
70	Trường THCS và THPT Phú Thành A	72	3.240.000	
71	Trường THPT Hồng Ngự 1	101	4.545.000	
72	Trường THPT Hồng Ngự 2	52	2.340.000	
73	Trường THPT Hồng Ngự 3	85	3.825.000	
74	Trường THPT Chu Văn An	75	3.375.000	
75	Trường THPT Long Khánh A	45	2.025.000	
76	Trường THPT Tân Hồng	82	3.690.000	
77	Trường THCS-THPT Giồng Thị Đam	68	3.060.000	
78	Trường THCS-THPT Tân Thành	70	3.150.000	
	CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP			
1	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè	43	1.935.000	
2	Trường Trung cấp Gò Công	85	3.825.000	
3	Trường Trung cấp Cai Lậy	57	2.565.000	
4	Trường Trung cấp Thanh Bình	22	990.000	
5	Trường Trung cấp Hồng Ngự	24	1.080.000	
6	Trung cấp Tháp Mười	26	1.170.000	
7	Trường NDT Khuyết tật tinh Đồng Tháp	36	1.620.000	
5	Số Y tế	2.843	151.195.909	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
	-Công chức	132	7.020.000	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/12/2025
	-Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	2.711	144.175.909	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 22/4/2026
6	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	535	28.403.182	Công văn số 578/SVHTTDL-VP ngày 06/02/2026
	- Văn phòng Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	70	3.722.727	
	- Bảo tàng Đồng Tháp	34	1.808.182	
	- Thư viện Đồng Tháp	40	2.127.273	
	- Trung tâm huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh ĐT	91	4.839.545	
	- Trung tâm Văn hóa tỉnh	84	4.467.273	
	- Trung tâm Xúc tiến Du lịch	31	1.599.545	
	- Trường PT Năng khiếu TDTT tỉnh ĐT	68	3.616.364	
	- Ban quản lý di tích tỉnh ĐT	117	6.222.273	
7	Sở Nội vụ	289	15.369.545	Công văn số 747/SNV-VP ngày 27/01/2026
	-Văn phòng Sở Nội vụ	124	6.594.545	
	-Ban Quản lý Nghĩa trang Liệt sĩ Tỉnh	53	2.818.636	
	-Trung tâm Điều dưỡng Người có công	13	691.364	
	-Trung tâm Lưu trữ lịch sử	18	957.273	
	-Trung tâm Dịch vụ việc làm	81	4.307.727	
8	Sở Tài chính	177	9.413.182	Công văn số 865/STC-VP ngày 28/01/2026
	-Văn phòng Tài chính	149	7.924.091	
	-Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	28	1.489.091	
9	Sở Tư pháp	133	6.700.909	Công văn số 869/STP-VP ngày 11/3/2026
	- Văn phòng Sở Tư pháp	46	2.340.000	Có 01 công chức đang mang thai, 01 công chức đang nuôi con dưới 36 tháng
	- Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Tiền Giang	27	1.276.364	Có 03 viên chức đang nuôi con dưới 36 tháng
	- Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài	6	319.091	
	- Phòng Công chứng số 1	7	372.273	
	- Phòng Công chứng số 2	11	585.000	
	- Phòng Công chứng số 3	7	319.091	Có 01 viên chức nữ đang mang thai
	- Phòng Công chứng số 4	12	638.182	
	- Phòng Công chứng số 5	8	372.273	Có 01 viên chức nữ đang mang thai
	- Phòng Công chứng số 6	9	478.636	
10	Sở Công thương	204	10.530.000	Công văn số 888/SCT-VP ngày 13/02/2026
	- Văn phòng Sở Công thương	65	3.190.909	Có 05 biên chế nữ đang nuôi con nhỏ
	- Chi cục Quản lý thị trường	102	5.424.545	

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
	- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	37	1.914.545	Có 01 biên chế nữ đang nuôi con nhỏ
11	Sở Xây dựng	730	38.450.455	Công văn số 4542/SXD-KHTC ngày 22/5/2026
	- Văn phòng Sở Xây dựng	138	7.285.909	Có 01 biên chế nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng
	-Trung tâm GDNN kỹ thuật giao thông Đồng Tháp	116	6.169.091	
	- Trung tâm Kiến trúc - Quy hoạch và Tư vấn Xây dựng Đồng	79	4.201.364	
	- Bến xe Mỹ Tho	14	744.545	
	-Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	29	1.489.091	Có 01 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
	-Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy, bộ 66-01S	36	1.914.545	
	- Cảng vụ đường thủy nội địa	28	1.489.091	
	- Ban Quản lý bảo trì xây dựng	16	744.545	Có 02 biên chế nữ đang mang thai
	- Trung tâm Bảo dưỡng Công trình xây dựng Đồng Tháp	130	6.807.273	Có 02 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
	- Phà Đồng Tháp	128	6.807.273	
	- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 63-01S	16	797.727	Có 01 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
12	Sở Khoa học và Công Nghệ	261	6.541.364	Công văn số 652/SKH&CN-VP ngày 13/02/2026
	- Văn phòng Sở Khoa học và Công Nghệ	83	4.254.545	Có 03 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng
	- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ	135	-164.253	Năm 2025 đóng thừa 6,745,503 đồng, chuyển sang 2026 (còn thừa 164253 chuyển sang năm 2027)
	- Trung Tâm Chuyển Đổi số	43	2.286.818	
13	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp	109	5.796.818	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 và Công văn số 915/BQL-VP ngày 25/5/2026
	Văn phòng	45	2.393.182	
	Trung tâm phát triển hạ tầng	64	3.403.636	
14	Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Tháp	20	1.063.636	Theo thông tin Đài KTTV cung cấp
15	Báo và Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
16	Trường Chính trị	-	-	Theo thực tế
17	Trường Cao đẳng Tiền Giang	-	-	Theo thực tế
18	Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang	-	-	Theo thực tế
19	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
20	Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	-	-	Theo thực tế
21	Đại học Tiền Giang	-	-	Theo thực tế
22	Trường Đại học Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
23	Trường Cao đẳng cộng đồng	-	-	Theo thực tế

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
24	Ban Quản lý dự án tỉnh	109	5.796.818	Đề án tổ chức BQLDA
25	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông	29	1.542.273	Đề án tổ chức BQLDA
26	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình NN và PTNT	25	1.329.545	Đề án tổ chức BQLDA
27	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình DD và CN	48	2.552.727	Đề án tổ chức BQLDA
28	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 1	145	7.711.364	Đề án tổ chức BQLDA
29	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 2	135	7.179.545	Đề án tổ chức BQLDA
30	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 3	124	6.594.545	Đề án tổ chức BQLDA
31	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực 4	105	5.584.091	Đề án tổ chức BQLDA
II	CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP	184	9.785.455	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
2	Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
3	Hội Cựu chiến binh	4	212.727	Theo thông tin Hội cựu Chiến binh tỉnh (4 biên chế trong độ tuổi lao động)
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Đồng Tháp	21	1.116.818	Theo văn bản Hội LHPN VN tỉnh
5	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
6	Hội Chữ thập đỏ	36	1.914.545	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2025
7	Liên minh hợp tác xã tỉnh Đồng Tháp	26	1.382.727	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2026
8	Hội Nhà báo tỉnh	2	106.364	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
9	Hội Luật gia tỉnh	1	53.182	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
10	Hội Khuyến học tỉnh	1	53.182	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
11	Công đoàn các khu công nghiệp tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
12	Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Tháp	39	2.074.091	Công văn số 327/LĐLĐ ngày 27/5/2026
13	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp	18	957.273	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
14	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp	21	1.116.818	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
15	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đồng Tháp	15	797.727	Quyết định số 289/QĐ-MTTQ-BTT ngày 11/9/2027
16	Tỉnh hội Đông Y Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
17	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
18	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	-	-	Theo thực tế

STT	Tên đơn vị	Tổng số biên chế	Số tiền	Ghi chú
19	Trung tâm Ứng dụng khoa học kỹ thuật và Dịch vụ Bảo hộ lao động	-	-	Theo thực tế
20	Trung tâm Đăng kiểm tàu cá (Chi cục Thủy sản)	-	-	Theo thực tế
21	Trung tâm Bảo vệ thực vật các tỉnh phía Nam	-	-	Theo thực tế
22	Viện cây ăn quả Miền Nam	-	-	Theo thực tế
23	Trung tâm Kiểm nghiệm tinh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
24	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
25	Quỹ hỗ trợ Phụ nữ phát triển kinh tế tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
III	CƠ QUAN ĐẲNG CẤP TỈNH	-	0	Theo thực tế
1	Đảng bộ Khối cơ quan và Doanh nghiệp	-	-	Theo thực tế
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
3	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
4	Ban Dân vận và Tuyên giáo Tỉnh	-	-	Theo thực tế
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
7	Văn phòng Tỉnh ủy	-	-	Theo thực tế
IV	CƠ QUAN NGÀNH DỤC	430	22.230.000	
1	Kho bạc Nhà nước Khu vực	-	-	Theo thực tế
2	Ngân hàng Nhà nước- Chi nhánh khu vực 13	138	6.700.909	Có 12 biên chế nữ nuôi con dưới 36 tháng - theo Công văn số 1573/KV13-HCNS ngày 22/5/2025
3	Thuế tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
5	Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
6	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
7	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp	-	-	Theo thực tế
8	Kiểm toán nhà nước khu vực IX	-	-	Theo thực tế
9	Chi cục Hải quan khu vực XX	-	-	Theo thực tế
10	Thanh tra tỉnh	176	9.360.000	Công văn số 720/TTT-VP ngày 09/3/2026
11	Thống kê tỉnh Đồng Tháp	116	6.169.091	Theo văn bản của Thống kê Đồng Tháp
V	LỰC LƯỢNG VŨ TRANG		330.251.000	
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		42.480.000	Công văn số 1282/BCH-TM ngày 16/3/2026
2	Công an tỉnh		287.771.000	Công văn số 759/CAT-PHC ngày 03/02/2026
	TỔNG CỘNG		1.064.209.182	